

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 295/2025/DS-ST

Ngày: 26/8/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng.

2. Ông Đặng Văn Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần K.**

Địa chỉ: 4 P, Phường R, An Giang (Địa chỉ cũ: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Tạ Trung N**, sinh năm 1994. Địa chỉ liên hệ: I C, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy ủy quyền ngày 27/5/2024) (vắng mặt có đơn xin vắng).

Bị đơn: Ông **Đặng Văn V**, sinh năm 1975 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: D Ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 461A2/18 Ấp A, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Nguyễn Tạ Trung N trình bày như sau:

Ông Đặng Văn V có đề xuất vay của Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh S - Phòng G số tiền là 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng) theo Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20078029000030 ngày 29/01/2018, cụ thể như sau:

1. Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20078029000030 ngày 29/01/2018:

- Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)
- Loại thẻ: VISA CLASSIC
- Mục đích vay: Tiêu dùng.
- Thời hạn vay: 36 tháng.

- Lãi suất vay là: 22%/năm tính trên dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế (Quy định tại Biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ tại Ngân hàng TMCP K ban hành kèm theo Quyết định số 2189/QĐ-NHKL ngày 10/7/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K).

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Phí chậm thanh toán: 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán, phí tối thiểu là 50.000 đồng, tối đa là 630.000 đồng (Quy định tại Phụ lục 4 Hạn mức, biểu phí dịch vụ thẻ và ngân hàng Đ ban hành kèm theo Quyết định số 910/QĐ-NHKL ngày 15/3/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K).

- Phí sử dụng vượt hạn mức là 0,075%/ngày, phí tối thiểu là 22.000 đồng (Quy định tại Phụ lục 4 Hạn mức, biểu phí dịch vụ thẻ và ngân hàng Đ ban hành kèm theo Quyết định số 910/QĐ-NHKL ngày 15/3/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K).

- Hình thức thanh toán: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế.

2. Quá trình thanh toán nợ:

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng khách hàng, ông Đặng Văn V đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ đúng hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Quy định phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP K ban hành Kèm theo Quyết định số 3098/QĐ-NHKL ngày 15/10/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K và Điều 4 Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện cấp tín dụng quốc tế K1 mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở, thông báo.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng đến nay, khách hàng đã thanh toán tổng cộng là 499.551.289 đồng, bao gồm: Thanh toán gốc: 498.654.600 đồng, thanh toán lãi trong hạn: 767.570 đồng, thanh toán phí chậm thanh toán: 85.119 đồng, thanh toán phí phạt vượt hạn mức 44.000 đồng.

Tạm tính đến ngày 26/8/2025, khách hàng ông Đặng Văn V còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 159.506.466 (một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm linh sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu) đồng. Trong đó nợ gốc là: 49.551.289 (bốn mươi chín triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, hai trăm tám mươi chín) đồng; Lãi trong hạn là 969.003 (chín trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm linh ba) đồng; Phí chậm thanh toán là 86.715 (tám mươi sáu nghìn, bảy trăm mười lăm) đồng; Lãi quá hạn là 108.649.459 (một trăm linh tám triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi chín) đồng; Phí thường niên sử dụng thẻ 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Cách tính như sau:

Ngày 04/01/2019, ông V sử dụng thẻ tín dụng thanh toán mua hàng với số tiền gốc 49.551.289 đồng. Ngày chốt sao kê các giao dịch đã sử dụng đối với thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP K là ngày 10 hàng tháng, ngày 10/01/2019 Ngân hàng TMCP K chốt các giao dịch của khách hàng từ ngày 11/12/2018 đến ngày 10/01/2019 và ghi nhận khách hàng có phát sinh giao dịch thanh toán mua hàng với tổng dư nợ là 49.551.289 đồng. Khách hàng phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền 49.551.289 đồng trước ngày 5 tây hàng tháng (trước ngày 05/02/2019), nếu không thanh toán đúng hạn khách hàng sẽ vi phạm thời hạn thanh toán nợ, phải chịu số tiền lãi trong hạn từ ngày phát sinh giao dịch 04/01/2019 đến ngày 05/02/2019.

Đồng thời từ ngày 06/02/2019 khách hàng sẽ phải chịu Phí chậm thanh toán là 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu chưa thanh toán (tối thiểu 50.000 đồng, tối đa 630.000 đồng), số tiền thanh toán tối thiểu/tháng là 5% dư nợ và tối thiểu 100.000 đồng.

Kể từ ngày 06/02/2019 khoản nợ của khách hàng sẽ chuyển sang nợ quá hạn và khách hàng phải chịu khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày vi phạm đến ngày tất toán với lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (lãi suất trong hạn là 22%/năm, lãi suất quá hạn là 33%/năm).

Lãi phát sinh/lãi trong hạn = Số tiền x Số ngày tính lãi x Lãi suất trong hạn/360 = 49.551.289 đồng x (thời gian từ ngày 04/01/2019 đến ngày 05/02/2019) x 22%/360 = 969.003 đồng.

Phí chậm thanh toán = 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu = 3,5% x (5% x dư nợ) = 3,5% x (5% x 49.551.289 đồng) = 86.715 đồng.

Lãi quá hạn = Số tiền x Số ngày tính lãi x Lãi suất quá hạn/360 = 49.551.289 đồng x (thời gian từ ngày 06/02/2019 đến ngày 24/9/2024) x 33%/360 = 108.649.459 đồng.

Khách hàng phát sinh phí thường niên sử dụng thẻ 250.000 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K: Buộc Ông Đặng Văn V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025: 159.506.466 (một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm lẻ sáu

ngàn, bốn trăm sáu mươi sáu) đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20078029000030 ngày 29/01/2018 kể từ ngày 26/8/2025 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

2- Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K và sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Đặng Văn V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án và trích các nguồn thu nhập khác để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP K.

Bị đơn là ông Đặng Văn V vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập đến Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tuân theo tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K khởi kiện ông Đặng Văn V trả ngay cho Ngân hàng TMCP K nợ gốc và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng ngày 29/01/2018, ông Đặng Văn V có ghi địa chỉ tại: D Ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 461A2/18 Ấp A, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh (Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh cũ).

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng là ông Nguyễn Tạ Trung N vắng mặt có đơn đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Đặng Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N và ông V theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông V vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông V đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2018 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20078029000030 ngày 29/01/2018:

- Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*)
- Loại thẻ: VISA CLASSIC
- Mục đích vay: Tiêu dùng.
- Thời hạn vay: 36 tháng.
- Lãi suất vay là: 22%/năm tính trên dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế.
- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- Phí chậm thanh toán: 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán, phí tối thiểu là 50.000 đồng, tối đa là 630.000 đồng.
- Phí sử dụng vượt hạn mức là 0,075%/ngày, phí tối thiểu là 22.000 đồng.
- Hình thức thanh toán: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế.

Ngày 04/01/2019, ông V sử dụng thẻ tín dụng thanh toán mua hàng với số tiền gốc 49.551.289 đồng. Ngày chốt sao kê các giao dịch đã sử dụng đối với thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP K là ngày 10 hàng tháng, ngày 10/01/2019 Ngân hàng TMCP K chốt các giao dịch của khách hàng từ ngày 11/12/2018 đến ngày 10/01/2019 và ghi nhận khách hàng có phát sinh giao dịch thanh toán mua hàng với tổng dư nợ là 49.551.289 đồng. Khách hàng phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền 49.551.289 đồng trước ngày 5 tây hàng tháng (trước ngày 05/02/2019), nếu không thanh toán đúng hạn khách hàng sẽ vi phạm thời hạn thanh toán nợ, phải chịu số tiền lãi trong hạn từ ngày phát sinh giao dịch 04/01/2019 đến ngày 05/02/2019.

Đồng thời từ ngày 06/02/2019 khách hàng sẽ phải chịu Phí chậm thanh toán là 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu chưa thanh toán (tối thiểu 50.000 đồng,

tối đa 630.000 đồng), số tiền thanh toán tối thiểu/tháng là 5% dư nợ và tối thiểu 100.000 đồng.

Kể từ ngày 06/02/2019 khoản nợ của khách hàng sẽ chuyển sang nợ quá hạn và khách hàng phải chịu khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày vi phạm đến ngày tắt toán với lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (lãi suất trong hạn là 22%/năm, lãi suất quá hạn là 33%/năm).

Lãi phát sinh/lãi trong hạn = Số tiền x Số ngày tính lãi x Lãi suất trong hạn/360 = 49.551.289 đồng x (thời gian từ ngày 04/01/2019 đến ngày 05/02/2019) x 22%/360 = 969.003 đồng.

Phí chậm thanh toán = 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu = 3,5% x (5% x dư nợ) = 3,5% x (5% x 49.551.289 đồng) = 86.715 đồng.

Lãi quá hạn = Số tiền x Số ngày tính lãi x Lãi suất quá hạn/360 = 49.551.289 đồng x (thời gian từ ngày 06/02/2019 đến ngày 24/9/2024) x 33%/360 = 108.649.459 đồng.

Khách hàng phát sinh phí thường niên sử dụng thẻ 250.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[5.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền gốc của Ngân hàng TMCP K (gọi tắt là Ngân hàng):

Căn cứ Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20078029000030 ngày 29/01/2018 thì giữa chủ thẻ chính là ông Đặng Văn V và bên phát hành thẻ là Ngân hàng TMCP K có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 50.000.000 đồng, với mục đích vay tiêu dùng.

Căn cứ Bảng tóm tắt sao kê do Ngân hàng TMCP K2 thì sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông V đã thực hiện các giao dịch với tổng số dư nợ là 49.551.289 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông V đã thanh toán cho Ngân hàng được 499.551.289 đồng và tạm tính đến ngày 26/8/2025, ông V còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 159.506.466 đồng (Trong đó nợ gốc là: 49.551.289 đồng, L trong hạn là 969.003 đồng; Phí chậm thanh toán là 86.715 đồng; Lãi quá hạn là 108.649.459 đồng; Phí thường niên sử dụng thẻ 250.000 đồng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/02/2019 khoản nợ của khách hàng sẽ chuyển sang nợ quá hạn và khách hàng phải chịu khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày vi phạm đến ngày tắt toán với lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (lãi suất trong hạn là 22%/năm, lãi suất quá hạn là 33%/năm).

Căn cứ khoản 2 Điều 16 Quy định phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng TMCP K ban hành Kèm theo Quyết định số 3098/QĐ-NHKL ngày 15/10/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K và Điều 4 Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện cấp tín dụng quốc tế K1 mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở, thông báo.

Lãi phát sinh/lãi trong hạn = Số tiền x Số ngày tính lãi x Lãi suất trong hạn/360 = 49.551.289 đồng x (thời gian từ ngày 04/01/2019 đến ngày 05/02/2019) x 22%/360 = 969.003 đồng.

Phí chậm thanh toán = 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu = 3,5% x (5% x dư nợ) = 3,5% x (5% x 49.551.289 đồng) = 86.715 đồng.

Lãi quá hạn = Số tiền x Số ngày tính lãi x Lãi suất quá hạn/360 = 49.551.289 đồng x (thời gian từ ngày 06/02/2019 đến ngày 24/9/2024) x 33%/360 = 108.649.459 đồng.

Khách hàng phát sinh phí thường niên sử dụng thẻ 250.000 đồng.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10/10/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 41 ngày 21/12/2022 thì Ngân hàng thương mại cổ phần K là tổ chức có tư cách pháp nhân được quyền tham gia các giao dịch dân sự. Bị đơn ông Đặng Văn V là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện. Đồng thời sự thỏa thuận của hai bên tại Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20078029000030 ngày 29/01/2018 về việc cấp thẻ tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng đã giao kết có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng định: “Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng”.

Xét bị đơn ông Đặng Văn V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20078029000030 ngày 29/01/2018. Do đó, việc Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông V phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 49.551.289 (bốn mươi chín triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, hai trăm tám mươi chín) đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[5.3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi, phí quá hạn của Ngân hàng TMCP K:

Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông V phải trả lãi, phí như sau:

Lãi phát sinh/lãi trong hạn = Số tiền x Số ngày tính lãi x Lãi suất trong hạn/360 = 49.551.289 đồng x (thời gian từ ngày 04/01/2019 đến ngày 05/02/2019) x 22%/360 = 969.003 đồng.

Phí chậm thanh toán = 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu = 3,5% x (5% x dư nợ) = 3,5% x (5% x 49.551.289 đồng) = 86.715 đồng.

Lãi quá hạn = Số tiền x Số ngày tính lãi x Lãi suất quá hạn/360 = 49.551.289 đồng x (thời gian từ ngày 06/02/2019 đến ngày 24/9/2024) x 33%/360 = 108.649.459 đồng.

Khách hàng phát sinh phí thường niên sử dụng thẻ 250.000 đồng.

Việc Ngân hàng yêu cầu ông Đặng Văn V phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 số 20078029000030 ngày 29/01/2018 đến ngày trả hết nợ là phù hợp quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP K buộc ông Đặng Văn V phải trả Ngân hàng TMCP K: Lãi trong hạn = 969.003 (chín trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm linh ba) đồng; Phí chậm thanh toán là 86.715 (tám mươi sáu nghìn, bảy trăm mười lăm) đồng; Lãi quá hạn là 108.649.459 (một trăm linh tám triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi chín) đồng; Phí thường niên sử dụng thẻ 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

[6] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Đặng Văn V tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những phân tích và nhận định trên, đồng thời xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 –Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: Ông Đặng Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là

7.975.323 đồng (Bảy triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi ba đồng).

H lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP K.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với bị đơn là ông Đặng Văn V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Đặng Văn V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là: 159.506.466 (một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm linh sáu nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu) đồng. Trong đó nợ gốc là: 49.551.289 (bốn mươi chín triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, hai trăm tám mươi chín) đồng; L trong hạn là 969.003 (chín trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm linh ba) đồng; Phí chậm thanh toán là 86.715 (tám mươi sáu nghìn, bảy trăm mười lăm) đồng; Lãi quá hạn là 108.649.459 (một trăm linh tám triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi chín) đồng; Phí thường niên sử dụng thẻ 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày 27/8/2025, ông Đặng Văn V còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc quá hạn chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của nguyên đơn thì lãi suất mà ông V phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn.

Các đương sự có quyền thỏa thuận về địa điểm giao nhận tiền và thời điểm giao nhận tiền, trường hợp không thỏa thuận được thì thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.975.323 (bảy triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi ba đồng).

- H lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.384.137 (bốn triệu, ba trăm tám mươi bốn nghìn, một trăm ba mươi bảy) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004198 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- Đương sự (4);
- VKSND khu vực 10 – TP. HCM (2);
- Thi hành án dân sự TP. HCM (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).



Phạm Thị Kim Định